

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC
(COMAEL)**

Địa chỉ : 84 PHỐ PHÚ VIÊN - BỒ ĐỀ - LONG BIÊN - HÀ NỘI
Điện thoại : 04.8271453.
Fax : 04.8731364.
Email : COMAEL@VNN.VN

HÀ NỘI - 10/2007

*Hồ **

lcm

ictm

kt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

ĐIỀU LỆ

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC
(COMAEL)**

Địa chỉ : 84 PHỐ PHÚ VIÊN - BỒ ĐỀ - LONG BIÊN - HÀ NỘI

Điện thoại : 04.8271453.

Fax : 04.8731364.

Email : COMAEL@VNN.VN

HÀ NỘI - 10/2007

He Lam Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC
COMA EL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, Ngày 19 tháng 10 năm 2007

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XÂY DỰNG VÀ LẮP MÁY ĐIỆN NƯỚC

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần;

- Căn cứ Quyết định số 2230/QĐ - BXD ngày 01/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc cổ phần hoá Công ty Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước;

- Căn cứ Quyết định số 2441/QĐ - BXD ngày 30/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Công ty Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước;

- Căn cứ Quyết định số 1156/QĐ - BXD ngày 10/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc điều chỉnh phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước thuộc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng thành Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước;

Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước được thông qua hợp lệ tại Đại hội đồng thành lập Công ty ngày 19 tháng 10 năm 2007. Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và các hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước. Các phụ lục của Điều lệ này là một phần không tách rời Điều lệ. Điều lệ này và các nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết HĐQT được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với các quy định của pháp luật là các quy định ràng buộc để lưu hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Công ty" có nghĩa là Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước;
2. "Luật doanh nghiệp" là Luật số 60/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 29/11/2005;
3. "Đại hội đồng cổ đông"(ĐHĐCĐ) gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;

1    

4. "Hội đồng quản trị" (HĐQT) là cơ quan quản lý cao nhất, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ;
5. "Ban kiểm soát" (BKS) là tổ chức thay mặt cổ đông thực hiện các việc kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh và điều hành của Công ty;
6. "Người quản lý công ty" là các thành viên trong HĐQT, Tổng giám đốc (TGD), Phó tổng giám đốc (TGD), Kế toán trưởng và các cán bộ khác được HĐQT chỉ định hay TGD bổ nhiệm như: Giám đốc, Phó giám đốc Xí nghiệp, Quản đốc, Phó quản đốc phân xưởng, Trưởng, Phó các Phòng, Ban và các chức danh tương đương;
7. "Người có liên quan" là những người có quan hệ với nhau trong các trường hợp dưới đây:
 - a. Doanh nghiệp mẹ và doanh nghiệp con;
 - b. Doanh nghiệp và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định hoạt động của doanh nghiệp thông qua các cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - c. Doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp;
 - d. Nhóm người thoả thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở Công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty;
 - đ. Vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của người quản lý doanh nghiệp, thành viên Công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.
8. "Vốn điều lệ" là số vốn do tất cả các cổ đông góp hoặc cam kết góp vào một thời điểm nhất định và được ghi vào Điều lệ. Vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua trong từng thời kỳ.
9. "Cổ đông" là thể nhân hay pháp nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty được ghi tên trong danh sách đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
10. "Cổ đông sáng lập" là các cổ đông có đủ các điều kiện sau:
 - Tham gia thông qua điều lệ lần đầu của Công ty.
 - Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% số cổ phần phổ thông được quyền chào bán.
 - Sở hữu số cổ phần tối thiểu từ 11% trên tổng số cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trở lên.
 - **Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% vốn điều lệ trong 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.**
 - Tại thời điểm thành lập, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng là cổ đông sáng lập.
11. "Cổ phần phổ thông" là loại cổ phần do Công ty phát hành và cho phép người sở hữu có quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 21 và 22 Điều lệ này.
12. "Cổ phần có quyền biểu quyết" là cổ phần mà theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết những vấn đề được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định, **tất cả các cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần từ 0,318 % vốn Điều lệ có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông và có quyền biểu quyết.**
4. "Cổ phiếu" là những chứng chỉ do Công ty phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
5. "Cổ tức" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ tài chính.

Điều 2: Tên Công ty, địa chỉ giao dịch và địa bàn hoạt động

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước

-Tên giao dịch quốc tế: CONSTRUCTION MACHINERY AND WATER ELECTRIC MACHINE INSTALLING JOINT STOCK COMPANY

-Tên viết tắt: COMAEL

-Biểu tượng (Logo) :



COMAEL

2. Địa chỉ giao dịch:

-Trụ sở chính: Số 84 Phú Viên - phường Bồ Đề - quận Long Biên - Hà Nội

- Điện thoại: 04. 8 271 453

- Fax: 04. 8 731 364

- Email: comael@vnn.vn

3. Địa bàn hoạt động: Trong và ngoài nước

Điều 3: Hình thức tổ chức và tư cách hoạt động

1. Công ty là doanh nghiệp được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan. Tự chịu trách nhiệm đầy đủ về tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh, cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình với Nhà nước và với khách hàng theo hợp đồng và theo các quy định của pháp luật.

2. Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước thuộc sở hữu của các cổ đông; có tư cách pháp nhân và con dấu; có tài khoản bằng tiền Việt Nam tại hệ thống Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước tại các tỉnh, thành trên lãnh thổ Việt Nam; hạch toán kinh tế độc lập; có tài khoản bằng ngoại tệ (USD, EURO) tại hệ thống ngân hàng Việt Nam hoặc nước ngoài.

Điều 4: Mục tiêu và ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu:

Công ty huy động và sử dụng vốn có hiệu quả, thu lợi nhuận tối đa, tăng tích lũy, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách nhà nước và phát triển Công ty ngày càng bền vững.

2. Ngành, nghề kinh doanh:

- Sản xuất, chế tạo cơ khí, thiết bị và phụ kiện, gia công cấu kiện bê tông; sản xuất thiết bị, phụ tùng, máy xây dựng, ống nước và phụ tùng kèm theo; sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, cơ khí, xây dựng; hoàn thiện và trang trí nội thất công trình, lắp đặt cơ điện nước, kết cấu xây dựng và thiết bị công nghệ;

- Nhận thầu thi công công trình dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp. Kinh doanh và phát triển nhà;

-Thiết kế, cung cấp thiết bị, thi công lắp đặt hệ thống thông tin viễn thông; thi công lắp đặt hệ thống chống sét cho các công trình dân dụng và công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện điều khiển, lò hơi;

-Sản xuất các sản phẩm Cơ khí phục vụ ngành điện bao gồm: bảng điện trung, hạ thế, trạm biến áp hợp bộ, trạm ki ốt, hòm công tơ, tủ chiếu sáng, tủ điều khiển và các sản phẩm cơ khí liên quan đến ngành điện;

-Kinh doanh xuất, nhập khẩu vật tư thiết bị;

-Chế tạo lắp đặt công nghệ thiết bị áp lực, các thiết bị đường ống dầu, khí, các hệ thống thông gió, cấp nhiệt, điều hoà không khí, chiếu sáng, hệ thống lọc bụi, bồn bể;

-Chế tạo và thi công lắp đặt hệ thống cầu đường bộ và đường sắt, thi công bằng phương pháp khoan bắn nổ mìn. Tư vấn thiết kế cơ khí, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp;

-Thi công các công trình giao thông, bến cảng, thuỷ lợi; chế tạo và lắp dựng cột anten (viba); Chế tạo thiết bị nâng hạ; lập dự án đầu tư và thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp hệ thống thoát nước, các công trình hạ tầng, đường dây tải điện và trạm biến áp; lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, xây lắp, mua sắm vật tư thiết bị các công trình xây dựng;

-Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5: Thời gian hoạt động

1. Thời gian hoạt động của Công ty kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Việc chấm dứt hoạt động của Công ty là do ĐHĐCĐ quyết định, hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền của nhà nước về sáp nhập hoặc giải thể .

Điều 6: Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Công ty

1. Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng dân chủ và theo pháp luật.
2. Các cổ đông của Công ty cùng góp vốn, cùng hưởng cổ tức và cùng chịu rủi ro tương ứng với phần vốn góp.
3. Công ty không chịu trách nhiệm đối với những cổ đông của Công ty có những khoản nợ và nghĩa vụ khác không liên quan đến Công ty.
4. Cơ quan quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ.
5. ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định thông qua, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty
6. ĐHĐCĐ bầu HĐQT Công ty để lãnh đạo Công ty giữa hai nhiệm kỳ Đại hội; Bầu BKS để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, điều hành của Công ty.
7. Điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty là TGD do HĐQT Công ty bổ nhiệm và miễn nhiệm. TGD hoạt động theo khuôn khổ Điều lệ Công ty và theo pháp luật.
8. Công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7: Tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị -xã hội

Tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức đó phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và Điều lệ của mình.

CHƯƠNG II VỐN - CỔ PHẦN , CỔ PHIẾU - CỔ ĐÔNG

MỤC I: VỐN

Điều 8: Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ do các cổ đông đóng góp tính bằng đồng Việt Nam.

2 Tại thời điểm thành lập, vốn điều lệ của Công ty là: **11.000.000.000, đồng (Mười một tỷ đồng)**

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 1.100.000 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Cơ cấu vốn phân theo sở hữu:

- Giá trị cổ phần nhà nước là: 5.669.250.000, đồng bằng 566.925 cổ phiếu chiếm 51,54 % vốn điều lệ.

- Giá trị cổ phần khác là : 5.330.750.000, đồng bằng 533.075 cổ phiếu; chiếm 48,46 % vốn điều lệ.

4. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh, góp vốn, liên doanh, liên kết, mua cổ phần, trái phiếu của đơn vị khác;

Không dùng vốn điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán tài sản của Công ty cho các cổ đông dưới bất kỳ hình thức nào (trừ trường hợp ĐHĐCĐ bất thường quyết định sửa đổi Điều lệ của Công ty về thu hẹp quy mô sản xuất).

Điều 9: Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Căn cứ vào yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh của từng thời kỳ nếu được ĐHĐCĐ quyết định, Công ty sẽ tăng thêm vốn điều lệ thông qua việc: Phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu; Tích lũy từ lợi nhuận mà Công ty thu được; Các cổ đông đầu tư vốn bổ sung; Phát hành thêm cổ phiếu gọi thêm các cổ đông mới; Tiếp nhận đầu tư từ bên ngoài, huy động vốn từ các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giảm vốn điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở vốn còn lại của Công ty nhưng vẫn đảm bảo Công ty hoạt động bình thường.

3. Trường hợp góp vốn bằng đất đai, bất động sản, thiết bị công nghệ sản xuất, sở hữu trí tuệ v.v...được HĐQT và người góp vốn thỏa thuận hoặc được một tổ chức chuyên nghiệp định giá và quy đổi ra tiền Việt Nam. Trong trường hợp tài sản được định giá cao hơn giá trị thực của tài sản thì người góp vốn hoặc tổ chức định giá và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản phát sinh từ việc định giá không đúng bằng số tiền chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản tại thời điểm kết thúc định giá.

MỤC 2: CỔ PHẦN - CỔ PHIẾU

Điều 10: Cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty được chia làm **1.100.000 cổ phần (Một triệu, một trăm ngàn cổ phần)** bằng nhau, với mệnh giá mỗi cổ phần là **10.000 đồng (mười nghìn đồng)**, mỗi cổ phần cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

2. Các loại cổ phần áp dụng trong Công ty:

2.1. Tại thời điểm thành lập, Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần là cổ phần phổ thông

2.2. Các loại cổ phần ưu đãi khác có thể được Công ty xem xét phát hành trong quá trình hoạt động kinh doanh do HĐQT nghiên cứu đề xuất và được ĐHĐCĐ Công ty chấp nhận.

Chỉ có cổ phần ưu đãi được phép chuyển thành cổ phần phổ thông theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo các quy định khác của pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển thành cổ phần ưu đãi.

Điều 11: Cổ phiếu

Cổ phiếu của Công ty được phát hành theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính nước CHXHCN Việt Nam dưới hình thức Sổ Chứng nhận sở hữu cổ phần.

1. Mọi cổ phiếu phải ghi rõ các nội dung chủ yếu sau:

2.1. Tên, trụ sở Công ty;

2.2. Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

2.3. Thông tin về cổ đông: họ tên, địa chỉ, mã số cổ đông

2.4. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

2.5. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá mỗi cổ phần ghi trên cổ phiếu;

2.6. Tóm tắt thủ tục chuyển nhượng cổ phần;

2.7. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;

2.8. Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu.

2. Cổ phiếu bị mờ, rách, hư hỏng có thể xin đổi cổ phiếu mới và phải chịu phí tổn cho việc đổi cổ phiếu mới theo quy định của HĐQT.

3. Trường hợp cổ phiếu bị rách hoặc bị cháy, cổ đông sở hữu cổ phiếu đó phải báo ngay cho HĐQT để theo dõi, xử lý nhằm đảm bảo tài sản của cổ đông. **Cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau:**

a) Trường hợp bị mất phải cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức nếu tìm lại được sẽ đem trả lại Công ty để tiêu hủy.

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu

4. Trường hợp có sai sót về nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với Công ty.

Điều 12: Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần Công ty được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Việc chuyển nhượng cổ phần phải được đăng ký và làm thủ tục tại trụ sở chính của Công ty, nơi phát hành cổ phiếu.

2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu của các thành viên HĐQT, BKS phải tuân thủ theo quy định sau:

Trong thời gian đương nhiệm và trong thời gian một năm sau khi thôi giữ các chức danh trên không được chuyển nhượng.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông ngoài Khoản 2 Điều này được quy định như sau:

3.1. Cổ phiếu được tự do mua bán, chuyển nhượng.

3.2. **Cổ phiếu của cổ đông sáng lập trong 3 năm đầu kể từ ngày đăng ký kinh doanh chỉ có thể chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập** nếu được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này cổ động dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty.

Sau 3 năm kể từ ngày Công ty được cấp đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

4. Việc chuyển nhượng cổ phiếu của Công ty sẽ được tạm dừng trong vòng 30 ngày trước ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên hoặc ĐHĐCĐ bất thường.

5. Thủ tục chuyển nhượng cổ phần do HĐQT quy định.

Điều 13: Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông qua đời, mất tích, hoặc mất hành vi dân sự được pháp luật công nhận, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một hoặc toàn bộ cổ phần của người nêu trên:

1.1. Người có giấy tờ xác nhận quyền thừa kế theo pháp luật quy định và đang nắm giữ số cổ phiếu của người đã mất.

1.2. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp nhưng giữa họ có tranh chấp thì phán quyết của Tòa án là cơ sở của từng người được hưởng quyền thừa kế.

2. Người có quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp phải đăng ký chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế tại Công ty và trở thành cổ đông mới của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế, trừ quyền thừa kế làm thành viên HĐQT, thành viên BKS và các chức danh do HĐQT hoặc Tổng giám đốc (TGD) bổ nhiệm (nếu cổ đông cũ đang là thành viên HĐQT hoặc BKS hoặc đang nắm giữ các chức danh do HĐQT hoặc TGD bổ nhiệm).

3. Trong trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho HĐQT của Công ty cổ phiếu và các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc thừa kế và văn bản cử người đại diện.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của Nhà nước và pháp luật.

Điều 14: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Trường hợp ĐHĐCĐ quyết định tổ chức lại Công ty hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty mà những quyết định đó ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ của một hay một nhóm cổ đông nào đó, thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên có quyền yêu cầu Công ty mua lại một hoặc toàn bộ cổ phần của mình. Việc yêu cầu mua lại cổ phần phải thực hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ cổ đông, số lượng từng loại cổ phần, giá định bán, lý do bán. Yêu cầu đó phải gửi đến HĐQT trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày mà ĐHĐCĐ đã quyết định tổ chức lại Công ty hoặc sửa đổi Điều lệ Công ty.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông nêu trên theo thoả thuận, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông liên quan. Trường hợp có bất đồng về giá, thì cổ đông đó có quyền bán cổ phần đó cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 15: Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

7 







Công ty có quyền mua lại không quá **30%** tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

1. Việc mua lại hơn **10%** tổng số cổ phần phổ thông đã bán do ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường quyết định. Trong các trường hợp khác việc mua lại cổ phần do HĐQT quyết định.

2. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần: Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Công ty có thể mua lại số cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo đến tất cả các cổ đông trong thời hạn **30 (ba mươi) ngày**, kể từ ngày quyết định mua lại cổ phần được thông qua ĐHĐCĐ (hoặc của HĐQT). Thông báo phải nêu rõ: Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; Tổng số cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời gian thanh toán, thủ tục và thời gian để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo; Thông báo phải nêu rõ: Họ tên, địa chỉ thường trú, Số giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu (với cá nhân) hoặc số giấy phép thành lập, số đăng ký kinh doanh (với tổ chức), số cổ phần sở hữu, số cổ phần chào bán, phương thức thanh toán, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Sau khi việc mua theo tỷ lệ cổ phần cổ đông đã kết thúc, số cổ phần còn thiếu do một số cổ đông không có nhu cầu bán. Công ty sẽ thương lượng mua của cổ đông muốn bán thêm.

4. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ tiến hành với điều kiện sau khi mua cổ phần theo quy định thì tổng giá trị tài sản của Công ty không được thấp hơn nợ của Công ty.

Điều 16: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại các Điều 14 và 15 của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

2. Tất cả các cổ phần được mua lại theo quy định nói trên được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng số giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty **giảm hơn 10%**, thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

Điều 17: Thu hồi cổ phần

1. Cổ đông nào không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền đã đăng ký mua cổ phần, thì HĐQT ra thông báo yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền phải trả cùng với lãi suất lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán hoặc thanh toán chậm này gây ra cho Công ty. Thông báo được lập thành văn bản và gửi đến cổ đông trước thời điểm thanh toán 7 ngày làm việc.

2. Nếu các yêu cầu nêu trên không được thực hiện thì HĐQT ra quyết định thu hồi những cổ phần chưa được thanh toán vào bất kỳ thời điểm nào. Việc thu hồi này sẽ bao gồm cả cổ tức đã được công bố đối với số cổ phần được thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi.

3. Số cổ phần được thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty và được bán lại cho người có cổ phần đã bị thu hồi (sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ trên đối với Công ty) hoặc cho cổ đông hay người khác theo những điều kiện và cách thức do HĐQT quyết định, không trái với Điều lệ và pháp luật.

4. Tư cách cổ đông của cổ đông nắm giữ các cổ phần bị thu hồi sẽ chấm dứt ngay tại thời điểm thu hồi, (trừ những trách nhiệm về tài sản liên quan đến cổ phần bị thu hồi).

Điều 18: Phát hành cổ phiếu, trái phiếu

1. Việc phát hành thêm cổ phiếu do ĐHĐCĐ quyết định
2. Cổ phiếu phát hành thêm phải ghi đủ các nội dung theo quy định của Nhà nước và phải được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông.
3. Người mua trái phiếu sẽ nhận được giấy chứng nhận trái phiếu mang tên công ty phát hành. Trên trái phiếu chỉ ghi giá trị gốc tức là số tiền mà Công ty vay của trái chủ, giá trị đến hạn hoặc mệnh giá
4. Công ty có thể phát hành cổ phiếu, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Việc phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu do ĐHĐCĐ quyết định. HĐQT có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình Quyết định của HĐQT về việc phát hành trái phiếu.

MỤC 3: CỔ ĐÔNG

Điều 19: Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là pháp nhân gồm có:

1.1. Người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty do đại diện sở hữu nhà nước cử.

1.2. Đối với các pháp nhân khác người đại diện cổ đông tại Công ty là người đại diện hợp pháp do pháp nhân đó cử.

Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là pháp nhân có thể uỷ quyền cho người có đủ năng lực pháp lý và năng lực hành vi thuộc pháp nhân đó làm đại diện tại Công ty. Những người được đại diện uỷ quyền làm đại diện cho pháp nhân tại Công ty không được uỷ quyền lại cho người khác.

2. Cổ đông là cá nhân có quyền uỷ quyền cho người khác làm đại diện cho mình tại Công ty. Người được uỷ quyền không được uỷ quyền lại cho người khác.

3. Các loại uỷ quyền nêu trên phải thực hiện bằng văn bản. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi HĐQT Công ty.

4. Các cổ đông Công ty có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện để tham dự, phát biểu và tham gia biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ bằng việc uỷ quyền số cổ phần của mình.

5. Trường hợp một pháp nhân mới thừa kế quyền và nghĩa vụ của pháp nhân cũ do việc thay đổi tổ chức (sáp nhập, hợp nhất, chia tách, đổi tên, giải thể v.v...) thì cổ đông pháp nhân mới này phải gửi cho HĐQT các văn bản có hiệu lực pháp lý để HĐQT xử lý về cổ đông, cổ phiếu và người đại diện.

Điều 20: Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty lập và lưu sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lập và lưu giữ có thể bằng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, trụ sở Công ty;
- b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d. Tên cổ đông, địa chỉ, số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

2. Sổ đăng ký cổ đông của Công ty được lưu giữ tại trụ sở của Công ty bằng các biện pháp an toàn và bí mật về số liệu. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc.

3. Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên phải được đăng ký với cơ quan Đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

4. Cổ đông phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT biết về bất kỳ sự thay đổi địa chỉ nào của họ. Trong trường hợp Công ty không nhận được thông báo trên, tất cả các thông báo, tuyên bố hoặc mọi thông tin khác sẽ được gửi cho cổ đông theo địa chỉ lưu trong sổ đăng ký cổ đông.

Điều 21: Quyền lợi của cổ đông

1. **Cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền nắm giữ ít nhất 0,318 % vốn điều lệ** được tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; Mỗi cổ phần phổ thông có giá trị như một phiếu biểu quyết.

2. Được chia cổ tức với mức theo quyết định của ĐHĐCĐ, tương ứng với số cổ phần sở hữu.

3. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán khi Công ty phát hành thêm cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của cổ đông trong Công ty.

4. Được quyền ứng cử vào HĐQT, BKS nếu đạt đủ tiêu chuẩn ứng cử được quy định tại Điều 33 và Điều 41 Điều lệ này. Được giám sát và góp ý kiến về hoạt động của HĐQT, BKS và Ban Giám đốc.

5. Xem xét, tra cứu các thông tin trong danh sách cổ đông, có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác. Xem xét, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết họp ĐHĐCĐ.

6. Được tự do mua, bán, chuyển nhượng, thừa kế cổ phần theo quy định tại Điều lệ Công ty và phù hợp với pháp luật.

7. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, cổ đông được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với phần vốn góp vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và cổ đông khác.

8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể ủy quyền cho người đại diện tham gia ĐHĐCĐ và thực hiện các quyền của cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Các cổ đông tham dự ĐHĐCĐ có quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần nắm giữ và số cổ phần được ủy quyền. Cổ đông được quyền phê bình, chất vấn, kiến nghị về công việc của HĐQT, BKS và TGD về hoạt động kinh doanh của Công ty. (trừ cổ đông ưu đãi cổ tức và cổ đông ưu đãi hoàn lại và các cổ đông ưu đãi khác không có quyền dự họp hoặc không có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ)

9. **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu ít nhất 10% cổ phần phổ thông** của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng trước đó được quyền yêu cầu:

9.1. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường khi phát hiện:

- Hoạt động tài chính của Công ty có dấu hiệu không bình thường.

- Hoạt động kinh doanh có dấu hiệu thua lỗ.
- Thành viên HĐQT, thành viên BKS, thành viên Ban TGD có dấu hiệu tham nhũng hoặc có hoạt động gây thiệt hại lợi ích của Công ty, vi phạm nghiêm trọng quyền lợi của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc gia quyết định vượt quá thẩm quyền của người được giao.

- Nhiệm kỳ của HĐQT đã kéo dài **quá 06 tháng** mà HĐQT mới chưa được bầu thay thế.

9.2. Cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh và các vấn đề có liên quan đến quyền lợi cổ đông, trừ những bí mật về hoạt động kinh doanh.

9.3. Được xem và nhận bản sao hoặc trích lục danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ.

9.4. Được đề cử tối đa 01 (một) người vào HĐQT, BKS nếu đạt tiêu chuẩn quy định tại các Điều 33 và 41 Điều lệ này.

9.5 Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

10. Cổ đông có thể uỷ quyền cho người khác đại diện thay mình tham gia các kỳ họp ĐHĐCĐ với những điều kiện sau:

10.1 Chỉ được uỷ quyền từng lần cho mỗi kỳ họp ĐHĐCĐ.

10.2 Phải uỷ quyền bằng văn bản.

10.3 Người được uỷ quyền không được ứng cử với tư cách chính mình.

11. Các quyền khác theo quy định của điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 22: Nghĩa vụ cổ đông

1. Thanh toán đủ tiền mua cổ phần đã đăng ký mua **trong thời hạn 90 (chín mươi)** ngày kể từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty tương ứng với số vốn đã góp vào Công ty.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số cổ phần đã rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty.

3. Chấp hành các nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.

4. Chịu trách nhiệm về số lỗ của Công ty tương ứng với số cổ phần mình sở hữu và chỉ chịu trách nhiệm về những khoản nợ của Công ty trong phạm vi giá trị của số cổ phần góp vốn vào Công ty.

5. Có trách nhiệm bảo vệ tài sản, lợi ích của Công ty; giữ bí mật về nghề nghiệp hoạt động, bí quyết về công nghệ sản xuất của Công ty.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hình thức sau:

- Thực hiện hành vi trái pháp luật.

- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ quyền và lợi ích của các tổ chức hay cá nhân khác.

11 







- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ có thể xảy ra đối với Công ty.

Nếu cổ đông nào có hành vi gây thiệt hại cho lợi ích của Công ty thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại tương ứng với hậu quả mà mình đã gây ra.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của điều lệ này và của pháp luật.

Điều 23: Danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức

1. Danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức được lập trên cơ sở sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông được quyền nhận cổ tức phải được lập xong ít nhất 15 ngày trước thời điểm trả cổ tức.

2. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

3. Trả cổ tức: Cổ tức trả cho mỗi cổ phần được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ trả cổ tức cho các cổ đông khi Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và điều lệ này.

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT

Điều 24: Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc TGD.
4. Ban kiểm soát.

MỤC 1 : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 25: Đại hội đồng Cổ đông

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty bao gồm: ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - 2.1 Báo cáo tài chính hàng năm sau khi đã được kiểm toán;
 - 2.2 Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - 2.3 Quyết định mức cổ tức được thanh toán hàng năm của từng loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của cổ đông tại ĐHĐCĐ.
 - 2.4 Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - 2.5 Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
 - 2.6 Quyết định mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - 2.7 Bổ sung và sửa đổi Điều lệ;
 - 2.8 Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - 2.9 Quyết định sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

- 2.10 Quyết định tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - 2.11 Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - 2.12 Quyết định: đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc bất kỳ chi nhánh nào hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị **từ 50% trở lên** tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất;
 - 2.13 Thông qua việc công ty mua hoặc mua lại **hơn 10% số cổ phần phổ thông** hoặc cổ phần thuộc bất kỳ loại nào.
 - 2.14 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.
 - 2.15 Tăng giảm vốn Điều lệ (nếu có).
 - 2.16 Thông qua báo cáo của HĐQT đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của Công ty, thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát về công tác quản lý tài chính của HĐQT, Tổng Giám đốc.
- 3. ĐHĐCĐ thường niên**
- 3.1 ĐHĐCĐ thường niên họp mỗi năm một lần do Chủ tịch HĐQT triệu tập trong Quý I của năm tài chính kế tiếp tại một địa điểm do HĐQT quy định tùy từng thời điểm. Tối đa không được **quá 06 tháng**.
 - 3.2 ĐHĐCĐ thường niên có quyền quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền được quy định tại Điều 25 của bản Điều lệ này.
- 4. ĐHĐCĐ bất thường**
- 4.1 HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
 - b. Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và HĐQT cũng nhận thấy như vậy.
 - c. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã **bị giảm từ 10% trở lên**.
 - d. Khi số thành viên của HĐQT ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - e. Theo yêu cầu của một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông quy định tại Điểm 9 Điều 21 của bản Điều lệ này yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - f. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc Ban lãnh đạo Công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 86 của Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4.2 Theo các quy định tại Mục 4.1 nêu trên, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch HĐQT và / hoặc các thành viên HĐQT còn lại phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

4.3 Trường hợp HĐQT không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định nêu trên, thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo Ban kiểm soát thay thế HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật và điều lệ này. Trong trường hợp Ban kiểm soát không tiến hành triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

4.4 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định nêu trên thì Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu **từ 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết trở lên** có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật và điều lệ này;

4.5 Chi phí cho việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này sẽ được Công ty hoàn trả.

Điều 26: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số Cổ đông tham dự đại hội đại diện cho **ít nhất 65%** số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên (kể cả số cổ phần được ủy quyền) tham dự.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện như trên, thì được triệu tập cuộc họp lần thứ hai trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. ĐHĐCĐ tổ chức lần hai hợp lệ là khi có số Cổ đông tham dự đại hội đại diện cho **ít nhất 51%** số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên (kể cả số cổ phần được ủy quyền) tham dự.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định nêu trên thì được **triệu tập cuộc họp lần thứ 3 trong thời hạn 20 ngày**, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của ĐHĐCĐ được tiến hành không phụ thuộc vào số Cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.
4. Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 27: Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ phải được gửi bằng văn bản theo phương thức đảm bảo cho các Cổ đông có quyền dự họp **trước 10 (mười) ngày đối với ĐHĐCĐ thường niên hoặc 7 (bảy) ngày đối với ĐHĐCĐ bất thường**.
2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ phải kèm theo bản dự thảo chương trình nghị sự và các tài liệu thảo luận liên quan đến nội dung cuộc họp và địa điểm họp đại hội.
3. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải:
 - 3.1 Chốt và Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp dựa trên Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty và phải lập xong **chậm nhất 30 (ba mươi) ngày** trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ.
 - 3.2 Cung cấp thông tin và giải quyết các khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông.
 - 3.3 Lập chương trình và nội dung cuộc họp; chuẩn bị tài liệu; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi giấy mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ.

4. Ban tổ chức có nhiệm vụ kiểm tra xác nhận tư cách của Cổ đông hoặc người đại diện tham dự đại hội, lập danh sách hiện diện (ghi số cổ phần sở hữu, cổ phần hiện diện).
5. ĐHĐCĐ thường niên do Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa. Nếu Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại của HĐQT bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp.
6. ĐHĐCĐ bất thường do ai triệu tập thì người đó làm Chủ tọa.
7. Chủ tọa thông qua đại hội bầu ra Thư ký đại hội và Ban kiểm phiếu.
8. Biên bản ĐHĐCĐ được ghi vào sổ biên bản, có chữ ký của Chủ tọa, Thư ký và hai kiểm phiếu viên và phải được thông qua trước khi bế mạc. Các trích lục biên bản phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc hai ủy viên HĐQT.

Điều 28: Kiến nghị về nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập ĐHĐCĐ chuẩn bị chương trình và nội dung đại hội.
2. **Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ từ 10%** số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải lập bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty **chậm nhất là 3 (ba)** ngày trước ngày khai mạc. Bản kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần, các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối đề nghị nêu tại Khoản 2 Điều này nếu xảy ra một trong các trường hợp sau :
 - 3.1. Kiến nghị gửi không đúng thời hạn hoặc không có đủ thông tin, không đúng nội dung.
 - 3.2. Vấn đề được kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

Những trường hợp khác qui định trong Điều lệ này.

Điều 29: Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp ĐHĐCĐ với toàn bộ số cổ phần mình sở hữu.
2. Người được ủy quyền được biểu quyết, bầu cử tại ĐHĐCĐ nhưng không được đề cử, ứng cử với tư cách cá nhân. Người được ủy quyền phải trình cho Ban tổ chức văn bản được ủy quyền trước khi khai mạc đại hội mới được thực hiện các quyền hạn được ủy quyền.
3. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là Cổ đông Công ty.
4. Việc ủy quyền phải thực hiện bằng văn bản (theo mẫu) gửi cho Ban tổ chức chậm nhất là 3 (ba) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ.
5. Trong trường hợp bên ủy quyền là pháp nhân thì văn bản ủy quyền cho người đại diện phải xác định rõ số cổ phần được đại diện, được HĐQT, Tổng Giám đốc hoặc đại diện hợp pháp của pháp nhân đó ký tên, đóng dấu .
6. Việc ủy quyền chỉ được thực hiện từng lần. Người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.

Người ủy quyền có thể thu hồi sự ủy quyền bằng cách lập văn bản thông báo gửi thẳng cho HĐQT chậm nhất là 24 giờ trước giờ khai mạc.

Điều 30: Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại Đại hội hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Những vấn đề cần phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - Sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty;
 - Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần từng loại được quyền chào bán;
 - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
 - Tổ chức lại, giải thể công ty;
3. **Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại Đại hội khi:**
 - 3.1 Được số cổ đông đại diện ít nhất **65% tổng số phiếu biểu quyết** của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
 - 3.2 Đối với quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; Đầu tư hoặc bán hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.
4. Trường hợp thông qua quyết định của ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua nếu được số Cổ đông đại diện **trên 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận**. Việc lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại điều 105 – Luật doanh nghiệp năm 2005.
5. Các quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự **đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết** là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện theo đúng quy định.

Quyết định của ĐHĐCĐ phải được thông báo đến tất cả các Cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ trong **thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày quyết định được thông qua** và có hiệu lực thi hành đối với tất cả các Cổ đông, kể cả với số Cổ đông vắng mặt hay bất đồng ý kiến.

Điều 31: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, các Cổ đông, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét và huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau :

1. Trình tự và thủ tục triệu tập ĐHĐCĐ không thực hiện đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ này;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm quy định của Pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

MỤC 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32: Hội đồng quản trị

1. Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. **HĐQT Công ty có 5 (năm) thành viên** do ĐHĐCĐ bầu hoặc miễn nhiệm. Thành viên trúng cử HĐQT gồm 05 ứng cử viên có số phiếu bầu theo thứ tự từ cao đến thấp trong số ứng cử viên được bầu tính theo số cổ phần có quyền biểu quyết dự Đại hội đồng cổ đông bằng thể thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Công ty quyết định cử một hoặc một số người tham gia ứng cử vào HĐQT để làm nhiệm vụ trực tiếp quản lý phần vốn nhà nước trong Công ty.

Điều 33: Tiêu chuẩn và Điều kiện là thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật

2. Cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% (tương đương 55.000) tổng số cổ phần phổ thông hoặc người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;

- Cổ đông là pháp nhân hoặc người đại diện hợp pháp cho cổ đông pháp nhân sở hữu **từ 10% cổ phần phổ thông trở lên**;

3. Có trình độ học vấn từ đại học hoặc tương đương trở lên, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp, có kiến thức và hiểu biết pháp luật.

4. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, mẫn cán vì lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty.

Điều 34: Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm.

2. Trong nhiệm kỳ của HĐQT, ĐHĐCĐ thường niên và ĐHĐCĐ bất thường có thể bãi miễn và bầu bổ sung thành viên HĐQT để đảm nhận cho đến hết nhiệm kỳ.

3. Việc thay thế hoặc bổ sung thành viên HĐQT phải theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong HĐQT có ít nhất 02 thành viên cũ.

Điều 35: Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Quyền hạn:

HĐQT trực tiếp ký quyết định và thông qua ĐHĐCĐ các vấn đề sau:

1.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty ;
1.2. Các phương án đầu tư, mua bán tài sản với giá trị **nhỏ hơn 50%** giá trị tài sản trên sổ kế toán, các dự án đầu tư giữa hai kỳ Đại hội, duyệt dự toán thiết kế và quyết toán các dự án đầu tư nói trên và các dự án đầu tư đã được ĐHĐCĐ thông qua;

1.3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần có quyền chào bán của từng loại; phát hành trái phiếu và một số hình thức huy động vốn theo quy định của pháp luật;

1.4. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu công ty; định giá tài sản góp vốn bằng hiện vật, vàng, ngoại tệ;

1.5. Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại; xem xét phê duyệt việc chuyển nhượng các cổ phần;

1.6. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

1.7. Quyết định cơ cấu tổ chức và quy chế hoạt động của Công ty cổ phần; quyết định thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện và việc góp vốn mua cổ phần của doanh nghiệp khác; Phê duyệt phương án trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật ;

1.8. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức TGD; phó TGD, Kế toán trưởng Công ty nhưng không trái pháp luật và hợp đồng lao động đã ký kết với họ (nếu có); quyết định mức lương, tiền thưởng và các lợi ích khác gắn liền với các chức danh này;

Quyết định về quy chế tuyển dụng, quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý và phân chia quỹ lương, quy chế quản lý lao động, quy chế thi đua khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của TGD Công ty phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết định khen thưởng, kỷ luật nhân sự thuộc thẩm quyền quản lý của HĐQT và quyết định mức bồi thường vật chất khi nhân sự đó gây thiệt hại cho Công ty.

1.9. **Phê duyệt để TGD ký các hợp đồng kinh tế mua, bán, vay, cho vay, có giá trị trên 50% tổng giá trị tài sản ghi trên sổ kế toán Công ty;** phê duyệt các quyết định đầu tư, giao dịch, mua, bán tài sản Công ty, chi nhánh ngoài các quy định tại Mục 2.12; 2.13 của Điều 25 Điều lệ này; Phê duyệt việc vay nợ và thực hiện mọi khoản thế chấp, đảm bảo, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.

1.10. Quyết định nguyên tắc xây dựng quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng trên cơ sở đảm bảo hài hoà lợi ích Công ty và lợi ích của người lao động làm việc cho Công ty.

1.11. Đình chỉ các quyết định của TGD nếu xét thấy các quyết định đó vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết và các quy định của HĐQT hoặc trái pháp luật.

1.12. Quyết định triệu tập, chuẩn bị nội dung và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và bất thường.

1.13. Một số quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm:

2.1 Tiếp nhận bàn giao toàn bộ lao động, các hồ sơ tài liệu của Công ty và các công việc còn lại của Ban đổi mới và phát triển doanh nghiệp;

2.2. Quản trị công ty theo pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ, chịu trách nhiệm về mọi quyết định của mình theo pháp luật và Điều lệ Công ty;

2.3. Chỉ đạo kiểm tra toàn bộ các hoạt động sản xuất kinh doanh và hỗ trợ công tác điều hành của TGD và các chức danh do HĐQT trực tiếp quản lý;

2.4. Chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường. Triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua, quyết định;

2.5. Khi có yêu cầu, HĐQT có trách nhiệm cung cấp và công bố các thông tin, tài liệu cần thiết cho BKS, các cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo luật định và Điều lệ Công ty;

2.6. Xem xét và uỷ quyền cho TGD khởi kiện các vụ án có liên quan đến quyền lợi và tài sản của Công ty;

2.7. Thực hiện việc trích lập các quỹ thuộc thẩm quyền, chia cổ tức và cách thức sử dụng quỹ theo quyết định của ĐHĐCĐ;

2.8. Trình, kiến nghị ĐHĐCĐ một số vấn đề sau:

- Trình ĐHĐCĐ các báo cáo hoạt động của HĐQT, kết quả kinh doanh và quyết toán tài chính hàng năm của Công ty; phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức và trích lập các quỹ; phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư năm tài chính mới;

- Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- Kế hoạch phát triển dài hạn, kế hoạch huy động vốn của Công ty;
- Kiến nghị tăng, giảm vốn điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty ;
- Mức trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong quá trình kinh doanh

Điều 36: Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. HĐQT làm việc theo chế độ tập thể

2. HĐQT họp định kỳ bất cứ lúc nào nếu chủ tịch HĐQT thấy cần thiết, nhưng ít nhất 3 tháng phải họp một lần. Trong trường hợp đặc biệt khoảng thời gian giữa 2 kỳ họp cũng không được quá 6 tháng.

3. HĐQT họp bất thường:

3.1. Chủ tịch HĐQT có thể triệu tập họp phiên bất thường khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của 2/3 tổng số thành viên HĐQT, yêu cầu của TGD hoặc của ít nhất 5 người quản lý từ cấp trưởng phòng hoặc tương đương của Công ty trở lên, của Trưởng BKS hoặc ít nhất 2/3 số thành viên BKS. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT mà không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào khi một trong số các thành viên nói trên đề nghị triệu tập họp bằng một văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn.

3.2. Cuộc họp bất thường của HĐQT phải được tiến hành trong vòng **15(mười lăm) ngày** làm việc sau khi có đề xuất họp. Nếu Chủ tịch không chấp nhận triệu tập cuộc họp thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty, người đề nghị có quyền thay thế HĐQT triệu tập họp HĐQT.

4. Cuộc họp của HĐQT chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 tổng số thành viên HĐQT trở lên tham dự.

5. Các cuộc họp HĐQT được tiến hành trên cơ sở thông báo mời họp bằng văn bản và các tài liệu kèm theo cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Các tài liệu được gửi cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc là như nhau. Thông báo phải nêu rõ: địa điểm, thời gian, nội dung chương trình họp kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp, **trước 07 ngày trước ngày dự kiến họp**.

Tùy theo nội dung, tính chất của buổi họp, HĐQT có thể mời các nhà đầu tư lớn của Công ty hoặc các chuyên gia, các nhà tư vấn trong và ngoài nước tham dự một phần buổi họp của HĐQT nhưng không được quyền biểu quyết.

6. Thông qua quyết định của HĐQT.

6.1. HĐQT có quyền thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại phiên họp hoặc bằng văn bản lấy ý kiến có chữ ký của các thành viên HĐQT, trừ quy định tại điểm 6.2 khoản này;

6.2. Một thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc một vấn đề nào đó mà thành viên đó hoặc bất cứ người có liên quan nào của thành viên đó là một bên của hợp đồng hoặc có lợi ích mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

6.3. Quyết định của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số thành viên dự họp (hoặc hỏi ý kiến bằng văn bản) đồng ý. Nếu phiếu tán thành hoặc phản đối ngang nhau. Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định;

6.4. Trường hợp thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết HĐQT bằng hình thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu bằng văn bản này phải được chuyển đến Chủ tịch, hoặc một thành viên HĐQT dự họp trước thời gian dự kiến họp là 2 giờ.

7. Mọi nghị quyết, quyết định của HĐQT trong các phiên họp đều phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản và biên bản phải được thông qua mọi thành viên tham dự với đầy đủ chữ ký. Trường hợp nghị quyết bằng thư tín phải được ký bởi tất cả các thành viên có quyền biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Biên bản phải được thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. Chủ tọa, thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp HĐQT.

8. Vấn đề lợi ích: Một thành viên HĐQT được hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi ích từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến sẽ ký kết với Công ty, yêu cầu phải nêu rõ nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp HĐQT gần nhất để xem xét về vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này.

9. Thường trực HĐQT gồm Chủ tịch và một ủy viên thường trực HĐQT có nhiệm vụ giải quyết công việc hàng ngày của HĐQT.

Điều 37: Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT

1.1 Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật, thay mặt HĐQT ký các văn bản nghị quyết của HĐQT.

1.2. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu và bãi miễn theo đa số phiếu trong số các thành viên HĐQT theo thể thức trực tiếp và bỏ phiếu kín. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết;

1.3. Chủ tịch HĐQT có thể kiêm chức danh TGD Công ty nhưng không kiêm các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của TGD;

1.4. Chủ tịch HĐQT chỉ định một ủy viên thường trực HĐQT trong số các ủy viên HĐQT;

1.5. Khi vắng mặt Chủ tịch HĐQT ủy quyền bằng văn bản cho ủy viên thường trực hoặc thành viên HĐQT thay mặt mình đảm trách thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT.

1.6. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm và quyền hạn sau:

- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT. Phân công các thành viên HĐQT thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty;

- Triệu tập các phiên họp HĐQT;

- Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp. Chủ tọa cuộc họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền HĐQT;

- Chủ trì việc thông qua nghị quyết của HĐQT theo quy định tại mục 5 Điều 36 bản Điều lệ này;

- Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;

- Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;

- Thực hiện ủy quyền và chịu trách nhiệm về ủy quyền của mình;

- Thực hiện đúng Điều lệ Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết và quyết định của HĐQT.

- Trên cơ sở các nghị quyết của HĐQT, Chủ tịch HĐQT ra các quyết định của HĐQT và tổ chức thực hiện. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT, trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về những hành vi của mình;

- Chủ tịch HĐQT trực tiếp quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật TGD, các Phó TGD, Kế toán trưởng Công ty theo nghị quyết HĐQT.

- Ủy quyền cho TGD ký các hợp đồng kinh tế có **giá trị từ 40% đến 50% tổng giá trị tài sản** ghi trên sổ kế toán Công ty theo nghị quyết của HĐQT; các **hợp đồng mua, bán, vay, cho vay có giá trị từ trên 50% tổng giá trị tài sản** ghi trên sổ kế toán Công ty do ĐHĐCĐ chấp thuận; phê duyệt việc vay nợ và thực hiện mọi khoản thế chấp, đảm bảo, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.

2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm và quyền hạn sau:

2.1. Thực hiện các nhiệm vụ đã được Chủ tịch HĐQT phân công. Thành viên HĐQT không được ủy quyền cho người khác;

2.2. Đóng góp xây dựng phương hướng phát triển, hoạt động kinh doanh của Công ty trong từng thời kỳ;

2.3. Được quyền yêu cầu Cán bộ quản lý trong Công ty cung cấp đầy đủ mọi tài liệu có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty để thực hiện trách nhiệm của mình;

2.4. Tham dự các phiên họp của HĐQT, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;

2.5. Thực hiện đúng Điều lệ Công ty, nghị quyết ĐHĐCĐ, nghị quyết và quyết định của HĐQT;

2.6. Chịu trách nhiệm cá nhân trước ĐHĐCĐ, trước HĐQT và trước pháp luật về những hành vi của mình;

2.7. Thành viên HĐQT là đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ Công ty và những yêu cầu cụ thể khác do Tổng Công ty quy định;

2.8. Thành viên HĐQT có thể đảm nhiệm các chức vụ quản lý khác của Công ty, trừ thành viên Ban kiểm soát

Điều 38: Quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT hưởng thù lao do ĐHĐCĐ quyết định theo đề nghị của Chủ tịch HĐQT.

2. Mọi chi phí hoạt động của HĐQT được tính vào chi phí quản lý của Công ty.

3. Tổng chi phí hoạt động hàng năm của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 39: Bãi miễn, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp:

- Không có đủ các điều kiện theo quy định của Điều 33 Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật

- Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

- Có đơn xin từ chức.

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.

- Đại diện cổ đông pháp nhân (Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng) trúng cử vào HĐQT sẽ đương nhiên bị miễn nhiệm khi người đó không còn được cử là đại diện cổ đông pháp nhân nữa.

- Không tham gia các hoạt động của HĐQT liên tục trong thời gian 06 tháng (trừ trường hợp bất khả kháng).

- Không tham gia 03 kỳ họp HĐQT liên tục mà không có lý do chính đáng được chủ tịch HĐQT chấp thuận.

- Do Công ty bị giải thể.

- Ngoài các trường hợp nêu trên, thành viên HĐQT có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT yêu cầu được từ chức cũng như việc thay đổi người đại diện cổ đông pháp nhân tham gia HĐQT đều phải có đơn gửi thường trực HĐQT, HĐQT họp xem xét quyết định.

3. Trường hợp Chủ tịch HĐQT đương nhiệm mất tư cách thành viên HĐQT thì HĐQT họp khẩn cấp và cử người thay thế đảm nhiệm công việc của Chủ tịch cho đến ĐHĐCĐ gần nhất.

4. Trường hợp khuyết đến 02 thành viên HĐQT thì HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung .

5. Trong các trường hợp khác, tại đại hội gần nhất ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị bãi miễn, miễn nhiệm.

MỤC 3: BAN KIỂM SOÁT

Điều 40: Ban kiểm soát

BKS Công ty gồm có 3(ba) thành viên do ĐHĐCĐ bầu và bãi miễn. BKS hoạt động độc lập với HĐQT

Điều 41: Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS Công ty phải có các điều kiện sau:

1.1 Từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

1.2 Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, có trình độ học vấn từ đại học trở lên, có năng lực chuyên môn, kỹ thuật và công tác quản lý, kinh doanh, có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật. Trong số các thành viên BKS phải có ít nhất một thành viên có trình độ đại học về Tài chính kế toán hoặc là kiểm toán viên.

1.3. Thành viên BKS không được là thành viên HĐQT, TGD, Kế toán trưởng Công ty, hoặc người có liên quan với các chức danh trên.

1.4 Thành viên BKS không được là những người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành phạt tù hoặc bị toà án tước quyền hành nghề, vi phạm các tội buôn lậu, làm hàng giả, buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và các tội khác theo qui định của pháp luật và bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

2. BKS bầu một trong số các thành viên BKS làm Trưởng BKS. Trưởng BKS Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, là người tốt nghiệp Đại học có bằng cử nhân chuyên ngành kế toán, không được kiêm nhiệm bất cứ chức danh nào thuộc quyền bổ nhiệm của HĐQT.

Điều 42: Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ của BKS cùng nhiệm kỳ với HĐQT và có thể được kéo dài thêm không quá 90 ngày để giải quyết các công việc tồn đọng của nhiệm kỳ HĐQT khoá trước đó.

2. Trong nhiệm kỳ của BKS nếu có khuyết kiểm soát viên thì ĐHĐCĐ gần nhất phải bầu kiểm soát viên mới thay thế theo thể thức bầu dồn phiếu, theo đó số cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Trường hợp khuyết Trưởng BKS thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ tạm thay thế Trưởng BKS.

Điều 43: Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và độ tin cậy của thông tin, báo cáo kinh tế tài chính, báo cáo quản trị, tình hình hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính trước khi trình ĐHĐCĐ.

2. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kinh doanh hàng năm của Công ty, kiểm tra sự tuân thủ các nguyên tắc hoạt động, quản lý kinh doanh của Công ty, các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT, sự tuân thủ pháp luật và các chế độ chính sách của Nhà nước. Kiểm tra các vấn đề trong các trường hợp khi:

- Các thành viên BKS xét thấy cần thiết;
- Có quyết định ĐHĐCĐ;
- Yêu cầu của HĐQT;
- Yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điểm 9 Điều 21 Điều lệ này

3. Phát hiện những sơ hở, yếu kém trong quản lý, bảo vệ tài sản Công ty, đề xuất các giải pháp nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. Kiểm tra, xác nhận và đánh giá tính phù hợp, hiệu lực và hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.

5. Thông báo định kỳ tình hình kết quả kiểm soát cho HĐQT. Tham khảo ý kiến HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

6. Báo cáo với ĐHĐCĐ về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của HĐQT và TGD theo lập trường độc lập của mình. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.

Trong trường hợp thành viên BKS biết có sai phạm trong tổ chức và hoạt động của Công ty mà không báo trước ĐHĐCĐ thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về trách nhiệm của mình.

7. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Được quyền yêu cầu các Phòng, Ban nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Công ty cung cấp số liệu, tài liệu và thuyết minh các hoạt động kinh doanh của Công ty

9. Tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với quyết định của HĐQT thì được quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào biên bản cuộc họp và được trực tiếp báo cáo trước ĐHĐCĐ gần nhất.

10. Trưởng BKS có quyền yêu cầu HĐQT họp phiên bất thường hoặc yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường theo quy định tại Điểm 1, Điểm 2 Điều 27 Điều lệ này.

11. Trưởng BKS có trách nhiệm phân công thành viên BKS phụ trách từng lĩnh vực công việc.

12. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của **nhóm cổ đông sở hữu trên 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết**. Việc xem xét này không được làm ảnh hưởng hay cản trở hoạt động bình thường của HĐQT cũng như hoạt động kinh doanh bình thường của Công ty.

13. Kiến nghị HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

14. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nghiệp vụ được giao.

15. Thành viên của BKS không được phép tiết lộ bí mật của Công ty.

Điều 44: Từ chức, từ nhiệm và miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng BKS hoặc thành viên Ban kiểm soát yêu cầu từ chức, từ nhiệm đều phải làm đơn thông qua BKS để BKS xem xét và quyết định. Sau khi BKS có quyết định chính thức về việc từ chức, từ nhiệm thì BKS thông báo bằng văn bản cho HĐQT biết để xử lý.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm khi xảy ra các trường hợp sau:

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 122 – Luật doanh nghiệp 2005.

- Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong thời gian 06 tháng liên tục (trừ trường hợp bất khả kháng)

- Có đơn xin từ chức.

- Mất quyền công dân, mất năng lực hành vi dân sự.

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Là đại diện và trúng cử do phiếu bầu của cổ đông pháp nhân mất tư cách pháp nhân.

- Mất tư cách đại diện cho cổ đông pháp nhân.

- Đại diện cổ đông pháp nhân (Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng) trúng cử vào BKS sẽ đương nhiên bị miễn nhiệm khi người đó không còn được cử là đại diện cổ đông pháp nhân nữa.

- Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của Tòa án.

3. Trường hợp khuyết chức danh Trưởng BKS thì thành viên BKS còn lại cử người thay thế.

4. Trường hợp khuyết thành viên Ban kiểm soát có nghiệp vụ về tài chính kế toán, HĐQT phải phối hợp với các thành viên còn lại của BKS cử người tạm thời thay thế cho đến khi triệu tập ĐHĐCĐ để bầu bổ sung.

Điều 45: Quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát

1. Trưởng BKS, các thành viên BKS hưởng thù lao do ĐHĐCĐ quyết định theo đề nghị của HĐQT.

2. Mọi chi phí hoạt động của BKS được hạch toán vào chi phí quản lý Công ty

3. BKS được quyền sử dụng nhân viên và phương tiện làm việc của Công ty hoặc HĐQT để lập các báo cáo của HĐQT và Công ty để báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên và bất thường .

MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 46: Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc (TGD) là người đại diện theo pháp luật của Công ty .

2. TGD là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. TGD do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm.

3. TGD chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

4. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 47: Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc

Tổng giám đốc Công ty phải có đủ các điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật doanh nghiệp.
2. Trình độ chuyên môn tối thiểu phải là; kỹ sư ngành kỹ thuật - công nghệ, cử nhân kinh tế có trên 5 năm kinh nghiệm đã tham gia hoặc trực tiếp tổ chức, quản lý, điều hành tại Công ty hoặc tại các Công ty có quy mô tương tự Công ty; có năng lực quản trị kinh doanh, hiểu biết pháp luật.
3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có tính kỷ luật trong nhiệm vụ được giao, có khả năng đoàn kết nội bộ.
4. Không được đồng thời là Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong các doanh nghiệp khác hoặc kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ điều hành nào tại các tổ chức kinh tế khác.

Điều 48: Quyền hạn và trách nhiệm của TGD.

1. Tuân thủ pháp luật, chấp hành các quy định của Nhà nước, các nghị quyết của ĐHCĐ, nghị quyết và quyết định của HĐQT.
2. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần có quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của Công ty theo nghị quyết của ĐHCĐ, Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của HĐQT và tuân thủ pháp luật. Quản lý và sử dụng vốn theo mục tiêu, phương án kinh doanh đã được ĐHCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt. Sử dụng vốn có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Công ty.
4. Kiến nghị, từ chối thực hiện những quyết định của Chủ tịch HĐQT hay các yêu cầu của thành viên HĐQT nếu xét thấy các kiến nghị, quyết định, ấy trái pháp luật, trái Điều lệ Công ty và trái nghị quyết ĐHCĐ; đồng thời có trách nhiệm báo ngay cho Trưởng BKS để xử lý.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT, ĐHCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty.
6. Xây dựng và trình HĐQT kế hoạch kinh doanh hàng năm và mục tiêu phát triển Công ty cho giai đoạn (từ 3 đến 5) năm tiếp theo.
7. Xây dựng đề án cơ cấu tổ chức và các quy chế hoạt động của Công ty (quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý lao động, quy chế quản lý phân chia quỹ tiền lương...) trình HĐQT quyết định để tổ chức thực hiện.
8. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo thường xuyên với Chủ tịch HĐQT, đề nghị triệu tập họp HĐQT để giải quyết những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền của TGD.
9. Quyết định giá mua, giá bán nguyên liệu, sản phẩm hàng hoá, dịch vụ hàng hoá...thuộc thẩm quyền của TGD hoặc uỷ quyền của HĐQT.
10. Quyết định các biện pháp tuyên truyền quảng cáo tiếp thị, các biện pháp khuyến khích mở rộng sản xuất kinh doanh theo chỉ đạo của HĐQT.
11. Ký kết các hợp đồng kinh tế thuộc thẩm quyền của TGD theo luật định, trừ các hợp đồng theo quy định tại Điều 25 (Mục 2.12, 2.13) và Điều 35 (Mục 1.9)

12. Tuyển dụng, thuê mướn và bố trí sử dụng lao động thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; khen thưởng, kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động theo luật lao động.

13. Được quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, địch họa, hoả hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về các quyết định này, đồng thời báo cáo ngay cho HĐQT.

14. Đề xuất để HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh Phó TGD, Kế toán trưởng Công ty;

15. Trực tiếp ký quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh: Trưởng, Phó các Phòng Ban; các chức danh Giám đốc, Phó Giám đốc và Phụ trách kế toán các đơn vị trực thuộc.

16. Trực tiếp ký kết các hợp đồng lao động và bố trí nhân sự thích hợp vào bộ máy quản lý Công ty.

17. Lựa chọn các hình thức trả lương, tiền thưởng thích hợp theo năng suất và chất lượng lao động, các biện pháp kích thích vật chất và động viên tinh thần, việc nâng cao năng suất, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ do Công ty thực hiện.

18. Duy trì nâng cao chính sách và mục tiêu chất lượng của Công ty, giáo dục mọi thành viên Công ty thực hiện chính sách đảm bảo chất lượng và cam kết của Công ty với khách hàng.

Chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước HĐQT về sản phẩm của Công ty bàn giao cho khách hàng.

19. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

20. Tuân thủ pháp luật, chấp hành các quy định của Nhà nước, các nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết và quyết định của HĐQT.

21. Tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết với tư cách là TGD

Điều 49: Ủy quyền - uỷ nhiệm

1. TGD Công ty có quyền uỷ nhiệm cho các Phó TGD hoặc người khác trong Công ty thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc uỷ quyền, uỷ nhiệm của mình.

2. Người được TGD uỷ quyền, uỷ nhiệm chịu trách nhiệm trước TGD và trước pháp luật những công việc mình làm.

3. Mọi sự uỷ quyền, uỷ nhiệm có liên quan tới con dấu Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

Điều 50: Từ nhiệm và miễn nhiệm

1. Khi TGD yêu cầu được từ nhiệm phải có đơn gửi HĐQT. **Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đơn, HĐQT xem xét và quyết định.**

2. TGD bị miễn nhiệm khi xảy ra các trường hợp sau:

- Mất quyền công dân, mất trí.
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự
- Không hoàn thành nhiệm vụ
- Từ chức.
- Công ty bị giải thể trước thời hạn theo quy định của Toà án.

3. Trường hợp TGD bị miễn nhiệm, HĐQT tạm cử người thay thế trong thời hạn tối đa là 30 ngày, HĐQT phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm TGD mới

Điều 51: Bộ máy giúp việc Tổng giám đốc

1. Phó TGD là người giúp TGD Công ty điều hành một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công của TGD, chịu trách nhiệm trước TGD và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Phó TGD do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của TGD.

2. Kế toán trưởng giúp TGD chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, thống kê của Công ty theo quy định của pháp luật.

Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của TGD.

3. Các Trưởng Phòng, Ban chuyên môn nghiệp vụ của Công ty có chức năng tham mưu giúp việc TGD trong quản lý, điều hành công việc.

Trưởng Phòng, Ban chuyên môn nghiệp vụ Công ty do TGD bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật.

4. Giám đốc các Xí nghiệp, Quản đốc phân xưởng do TGD trực tiếp bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật; có nhiệm vụ điều hành mọi hoạt động của đơn vị mình theo quy chế quản lý tài chính của Công ty quy định, theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 52: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty

Những người quản lý trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây :

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, có tinh thần trách nhiệm, gắn bó, quan tâm đối với mọi hoạt động của Công ty vì lợi ích của Công ty và Cổ đông của Công ty.
2. Không được lợi dụng chức vụ để hưởng những lợi ích cá nhân về tài chính hoặc có hành động làm thiệt hại lợi ích của Công ty hoặc chiếm đoạt các cơ hội kinh doanh đã thuộc về Công ty.
3. Không được hành động vượt quá các quyền hạn quy định trong bản Điều lệ này.
4. Không được tiết lộ bí mật của Công ty, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận hay khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:
 - 5.1 Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết.
 - 5.2 Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý.
6. Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Mục 5.1, 5.2 của Điểm 5 Điều này.
7. Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.
8. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và điều lệ Công ty qui định.

Điều 53: Các hợp đồng đặc biệt

1. Các hợp đồng đặc biệt là các hợp đồng kinh tế, dân sự và các giao dịch của Công ty được ký với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - 1.1. Những thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

1.2 Doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, tổng giám đốc hoặc những người quản lý khác và những người có liên quan của họ **sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần trên 35% vốn điều lệ.**

1.3. Những người có liên quan với các đối tượng 1.1 và 1.2 nêu trong khoản 1 điều này

1.4. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ sách kế toán của Công ty tại thời điểm ký thì phải được Đại hội cổ đông chấp thuận trước khi ký. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có người liên quan (theo quy định của luật Doanh nghiệp) là bên ký hợp đồng không có quyền được biểu quyết.

2. Các hợp đồng đặc biệt này chỉ được ký kết sau khi được HĐQT chấp thuận.

- Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

- Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo các quy định trên. Tổng giám đốc, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả lại cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng hay giao dịch đó.

CHƯƠNG IV

CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 54: Tuyển dụng lao động và trả lương

Việc tuyển dụng lao động và trả lương được thực hiện theo quy chế của Công ty và theo chế độ hợp đồng lao động do Nhà nước ban hành. TGD (hoặc người được TGD uỷ quyền) ký hợp đồng lao động với người lao động phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 55: Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty.

1. Công ty thực hiện mọi chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác của người lao động theo quy định của pháp luật.

2. Nếu do nhu cầu tổ chức lại hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến người lao động mất việc làm thì chính sách đối với những lao động này được Công ty giải quyết theo các quy định pháp luật hiện hành.

3. Người lao động phải chấp hành đầy đủ những thỏa thuận trong hợp đồng lao động đã ký với người sử dụng lao động và Điều lệ, nội quy lao động, các quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước hiện hành.

CHƯƠNG V

TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Điều 56: Việc hạch toán kế toán

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm. Riêng năm tài chính thứ nhất được bắt đầu từ ngày cấp Giấy đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần (trong năm 2007) và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

2. Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê hiện hành và theo luật kế toán của Nhà nước ban hành.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. TGD phải gửi báo cáo tài chính năm đến HĐQT, BKS để làm cơ sở báo cáo trước ĐHĐCĐ thường niên.

4. Cuối mỗi năm tài chính, HĐQT xem xét, thông qua quyết toán tài chính của Công ty để trình ĐHĐCĐ (bao gồm các bản báo cáo sau):

- Bảng cân đối kế toán,
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh,
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ,
- Thuyết minh báo cáo tài chính,
- Báo cáo tổng hợp kiểm kê tài sản cuối niên độ.

Các bản báo cáo này phải được gửi các thành viên HĐQT, thành viên BKS ít nhất trước 20 ngày của kỳ ĐHĐCĐ thường niên.

5. Báo cáo quyết toán tài chính trước khi trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua phải được Công ty kiểm toán độc lập đánh giá (toàn bộ hoặc từng phần) khi BKS hoặc HĐQT yêu cầu.

6. Sau ĐHĐCĐ, các văn bản, biên bản ĐHĐCĐ và tất cả các chứng từ, tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty theo luật định và theo các quy định của Công ty.

Điều 57: Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ

1. Theo quy định của Nhà nước, lợi nhuận của Công ty gồm:

Lợi nhuận trước thuế = Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh + Lợi nhuận hoạt động tài chính + Lợi nhuận khác.

Lợi nhuận ròng = Lợi nhuận trước thuế - Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Việc lập quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật, do Đại hội đồng cổ đông công ty quy định. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, lợi nhuận được phân bổ như sau:

- Quỹ dự trữ bắt buộc: 5%
- Quỹ khen thưởng – Phúc lợi : 5%
- Quỹ phát triển sản xuất kinh doanh: 10%

3. HĐQT có trách nhiệm xây dựng quy chế phân phối lợi nhuận và sử dụng quỹ để trình ĐHĐCĐ quyết định cho từng năm.

Điều 58: Trả cổ tức

1. Việc chi trả cổ tức cho cổ đông hàng năm được thực hiện sau khi đã được thông qua ĐHĐCĐ thường niên quyết định mức chi trả.

2. Thông báo chi trả cổ tức cho các cổ đông được thực hiện công khai bằng văn bản đến các cổ đông.

3. Việc chi trả cổ tức trên nguyên tắc chi trả trực tiếp cho cổ đông. Nếu cổ đông không trực tiếp đến nhận phải có giấy uỷ quyền và được Chính quyền địa phương hoặc Cơ quan chủ sở hữu đang công tác xác nhận.

4. Công ty chỉ thực hiện trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và ngay khi trả hết cổ tức đã định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Trường hợp chưa trả được cổ tức cho cổ đông do nguyên nhân khách quan kinh doanh thua lỗ do (thiên tai, hoả hoạn hoặc nguyên nhân khác...), HĐQT phải giải trình, báo cáo, kiến nghị trước ĐHĐCĐ xem xét, xử lý theo quy định tại Điều 59 Điều lệ này.

5. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi đến tất cả cổ đông **chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức**. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty, tên, địa chỉ của cổ đông, số cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức.

Điều 59: Giải pháp xử lý tài chính khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, ĐHĐCĐ có thể xử lý bằng các giải pháp sau:

- Trích từ quỹ dự trữ để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời ĐHĐCĐ quyết định các biện pháp để khắc phục.

CHƯƠNG VI CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 60: Con dấu

1. Con dấu của Công ty được khắc theo mẫu quy định thống nhất của Bộ Công an, được đăng ký tại cơ quan Công an, Sở kế hoạch đầu tư Thành Phố Hà Nội.
2. Chủ tịch HĐQT là người đại diện Công ty trước pháp luật về việc quản lý và sử dụng con dấu Công ty.
3. Chủ tịch HĐQT giao cho TGD sử dụng và quản lý con dấu theo đúng quy định của pháp luật hiện hành

Điều 61: Chế độ lưu trữ tài liệu, hồ sơ

1. Công ty lưu trữ các tài liệu, hồ sơ sau:
 - 1.1. Điều lệ Công ty, kể cả bản sửa đổi bổ sung Điều lệ Công ty.
 - 1.2. Nội quy và quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Sổ đăng ký cổ đông.
 - 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Giấy Chứng nhận thay đổi đăng ký kinh doanh.
 - 1.4. Các văn bản khác theo quy định của pháp luật.
 - 1.5. Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty (nếu có).
 - 1.6. Biên bản họp ĐHĐCĐ, HĐQT, biên bản thông qua nghị quyết bằng cách hỏi ý kiến và tất cả các quyết định đã được thông qua.
 - 1.7. Báo cáo của BKS, kết luận của Cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập.
 - 1.8. Các tài liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty .
 - 1.9. Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.
 - 1.10. Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có).
2. Các tài liệu, hồ sơ của Công ty được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

GIẢI THỂ - THANH LÝ - TRANH TỤNG

Điều 62: Giải thể

Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước giải thể trong các trường hợp sau:

1. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn.
2. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
3. Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. Công ty không có đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật hiện hành **trong thời hạn 06 tháng liên tục.**

Trước khi giải thể Công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ để có biểu quyết chính thức.

Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

Điều 63: Thanh lý

1. Khi có quyết định giải thể Công ty, ĐHĐCĐ lập Hội đồng thanh lý thay thế HĐQT để cùng BKS làm nhiệm vụ thanh lý Công ty theo thời gian quy định và theo thể lệ tài chính hiện hành.

2. Trong thời gian thanh lý, các thành lý viên và kiểm soát viên có quyền đề nghị triệu tập ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết.

Điều 64: Tố tụng, giải quyết tranh chấp

1. Tổng giám đốc là người đại diện Công ty trước pháp luật và được uỷ quyền cho PTGD Công ty trong mọi giai đoạn tranh tụng.

2. Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, cá nhân khi có tố tụng, tranh chấp.

3. Trong thời gian Công ty hoạt động bình thường cũng như trong thời gian thanh lý Công ty, mọi quyết định xử lý các tranh tụng liên quan đến Công ty đều thuộc thẩm quyền của các Cơ quan chức năng Nhà nước theo quy định pháp luật hiện hành.

4. Mọi cổ đông có quyền khiếu nại, đòi quyền lợi chính đáng của mình và đòi bồi thường thiệt hại do lỗi của bất cứ thành viên nào trong Công ty gây ra. HĐQT tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại của cổ đông. Nếu HĐQT bỏ qua thì các cổ đông có thể cử đại diện đứng đơn khiếu nại trước Cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 65: Khen thưởng

Người có thành tích xuất sắc, đóng góp lớn vào việc xây dựng, bảo vệ và phát triển Công ty thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 66: Xử lý vi phạm

Các trường hợp bị vi phạm đều phải xử lý, hình thức xử lý vi phạm thực hiện theo quy chế quản lý của Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 67: Phá sản doanh nghiệp

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

**CHƯƠNG IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 68: Sửa đổi Điều lệ

Trong quá trình hoạt động, nếu có những điều khoản của bản Điều lệ này không còn phù hợp thì ĐHĐCĐ có quyền xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

Điều 69: Đăng ký Điều lệ

Điều lệ Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước được lập thành 8 bản có giá trị như nhau:

- 01 bản gửi Sở kế hoạch và Đầu tư Hà nội,
- 01 bản nộp tại kho bạc Nhà nước Thành phố Hà Nội,
- 01 bản gửi Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng,
- 05 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty.


Các bản trích hay bản sao phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có giá trị.


Điều 70: Điều khoản thi hành


Bản điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng và Lắp máy Điện nước gồm 9 chương, 70 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.


Mọi cổ đông, người lao động, và các đối tác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Điều lệ này.


THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ


Vice Chairman
Phạm Ngọc Sơn


Phạm Ngọc Sơn


Lương Khắc Hưng


Nguyễn Trọng Toàn


Bùi Thế Hoàng

MỤC LỤC

TT	NỘI DUNG	Trang
I	Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	1 – 4
1	Điều 1. Giải thích từ ngữ.....	1
2	Điều 2. Tên Công ty, địa chỉ giao dịch và địa bàn hoạt động.....	2
3	Điều 3. Hình thức tổ chức và tư cách hoạt động.....	3
4	Điều 4. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh.....	3
5	Điều 5. Thời gian hoạt động.....	4
6	Điều 6. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Công ty.....	4
7	Điều 7. Tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị xã hội.....	4
II	Chương II: VỐN – CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU – CỔ ĐÔNG	4 – 12
A	MỤC 1: VỐN	5
8	Điều 8. Vốn điều lệ.....	5
9	Điều 9. Tăng giảm vốn điều lệ.....	5
B	MỤC 2: CỔ PHẦN – CỔ PHIẾU	5
10	Điều 10. Cổ phần.....	5
11	Điều 11. Cổ phiếu.....	6
12	Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần.....	6
13	Điều 13. Thừa kế cổ phần.....	7
14	Điều 14. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	7
15	Điều 15. Mua lại cổ phần theo quy định của Công ty.....	7
16	Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	8
17	Điều 17. Thu hồi cổ phần.....	8
18	Điều 18. Phát hành cổ phiếu trái phiếu.....	9
C	MỤC 3: CỔ ĐÔNG	9
19	Điều 19. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông tại Công ty.....	9
20	Điều 20. Sổ đăng ký cổ đông.....	9
21	Điều 21. Quyền lợi của cổ đông.....	10
22	Điều 22. Nghĩa vụ cổ đông.....	11
23	Điều 23. Danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức.....	12
III	Chương III: TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH VÀ KIỂM SOÁT	12 - 27
24	Điều 24. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.....	12
A	MỤC 1: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
25	Điều 25. Đại hội đồng cổ đông.....	12
26	Điều 26. Điều kiện tiến hành họp đại hội cổ đông.....	14
27	Điều 27. Thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ.....	14
28	Điều 28. Kiến nghị về nội dung họp ĐHĐCĐ.....	15
29	Điều 29. Việc uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ.....	15
30	Điều 30. Thông qua các quyết định của ĐHĐCĐ.....	15
31	Điều 31. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của ĐHĐCĐ.....	16
B	MỤC 2: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	16
32	Điều 32. Hội đồng quản trị.....	16
33	Điều 33. Tiêu chuẩn và Điều kiện là HĐQT.....	17
34	Điều 34. Nhiệm kỳ của HĐQT.....	17

35	Điều 35. Quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT.....	17
36	Điều 36. Hoạt động của HĐQT.....	19
37	Điều 37. Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐQT.....	20
38	Điều 38. Quyền lợi của thành viên HĐQT.....	21
39	Điều 39. Bãi miễn, miễn nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT.....	21
C	MỤC 3: BAN KIỂM SOÁT.....	22
40	Điều 40. Ban kiểm soát.....	22
41	Điều 41. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên BKS, Trưởng BKS.....	22
42	Điều 42. Nhiệm kỳ của BKS.....	22
43	Điều 43. Quyền hạn và nhiệm vụ của BKS.....	23
44	Điều 44. Từ chức, từ nhiệm và miễn nhiệm thành viên BKS.....	24
45	Điều 45. Quyền lợi của thành viên BKS.....	24
D	MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY GIÚP VIỆC.....	24
46	Điều 46. Tổng Giám đốc.....	24
47	Điều 47. Tiêu chuẩn lựa chọn Tổng giám đốc.....	25
48	Điều 48. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc.....	25
49	Điều 49. Ủy quyền, uỷ nhiệm.....	26
50	Điều 50. Từ nhiệm và miễn nhiệm.....	26
51	Điều 51. Bộ máy giúp việc Tổng giám đốc.....	27
52	Điều 52. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.....	27
53	Điều 53. Các hợp đồng đặc biệt.....	27
IV	Chương IV : CHẾ ĐỘ VỀ LAO ĐỘNG VÀ QUYỀN LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG..	28 - 28
54	Điều 54. Tuyển dụng lao động và trả lương	28
55	Điều 55. Chế độ và quyền lợi của người lao động làm việc tại Công ty	28
V	Chương V: TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY.....	28 - 30
56	Điều 56. Việc hạch toán kế toán.....	28
57	Điều 57. Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.....	29
58	Điều 58. Trả cổ tức.....	29
59	Điều 59. Giải pháp xử lý tài chính khi kinh doanh thua lỗ.....	30
VI	Chương VI : CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....	30
60	Điều 60. Con dấu.....	30
61	Điều 61. Chế độ lưu trữ tài liệu, hồ sơ.....	30
VII	Chương VII: GIẢI THỂ – THANH LÝ – TRANH TỤNG.....	31
62	Điều 62. Giải thể.....	31
63	Điều 63. Thanh lý.....	31
64	Điều 64. Tố tụng, giải quyết tranh chấp.....	31
VIII	Chương VIII: KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM.....	31 - 31
65	Điều 65. Khen thưởng.....	31
66	Điều 66. Xử lý vi phạm.....	31
67	Điều 67. Phá sản doanh nghiệp.....	31
IX	Chương IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	32 - 32
68	Điều 68. Sửa đổi Điều lệ.....	32
69	Điều 69. Đăng ký Điều lệ.....	32
70	Điều 70. Điều khoản thi hành.....	32